

MỆNH ĐỀ IF (If clause) / CÂU ĐIỀU KIỆN (Conditional sentences)

I. Câu điều kiện

- Câu điều kiện dùng để nêu lên một giả thiết về một sự việc nào đó có thể / không thể xảy ra.
- Câu điều kiện gồm có hai phần (hai mệnh đề):
 - 1. Mệnh đề điều kiện (còn gọi là mệnh đề IF): là mệnh đề phụ
 - 2. Mệnh đề nêu lên kết quả: là mệnh đề chính.
- Viết mệnh đề nào trước cũng không ảnh hưởng đến nghĩa hay thì của câu. Nếu mệnh đề If đứng đầu thì giữa 2 mệnh đề **phải có dấu phẩy (,)** ngăn cách.

Câu điều kiện loại 0: Diễn tả một thói quen, một sự thật hiển nhiên, một kết quả tất yếu xảy ra

Mệnh đề phụ (If) ở thì HT đơn,	mệnh đề chính ở thì HT đơn
If I go to bed early, (Nếu tôi ngủ sớm, tôi dậy sớm → diễn tả thói quen ngủ sớm, dậy sớm)	I get up early
If it rains, (Nếu trời mưa, bãi cỏ bị ướt)	the grass gets wet

Câu điều kiện loại 1: Chỉ việc **có thể** xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai.

Mệnh đề phụ (If) ở thì HT đơn,	mệnh đề chính ở thì TL đơn
If you <u>use</u> less paper, (Nếu bạn dùng ít giấy, bạn sẽ tiết kiệm được nhiều cây)	you <u>will save</u> a lot of trees
If he <u>isn't</u> hurry, (Nếu anh ấy không nhanh, anh ấy sẽ bị trễ học)	he <u>will be</u> late at school

Câu điều kiện loại 2: Chỉ việc **không thể** xảy ra ở **hiện tại hoặc tương lai**. Việc này chỉ là một giả thiết, một ước muốn trái ngược với hiện tại.

Mệnh đề phụ (If) ở thì QK đơn,	mệnh đề chính “would+V”
If I <u>were</u> you, (Nếu tôi là bạn, tôi sẽ làm công việc đó → thực tế là tôi không thể biến trở thành người khác được)	I <u>would do</u> that job
If I <u>had</u> one billion, (Nếu tôi có 1 tỷ, tôi sẽ mua 1 chiếc xe hơi → thực tế là tôi không có tiền)	I <u>would buy</u> a car

Câu điều kiện loại 3: Chỉ việc **không thể** xảy ra ở **quá khứ**. Việc này chỉ sự tiếc nuối, hối tiếc về những gì đã xảy ra.

Mệnh đề phụ (If) ở thì QK hoàn thành,	mệnh đề chính “would have+V”
If I <u>had come</u> to see Tom yesterday, (Nếu hôm qua tôi đến thăm Tom, thì anh ấy đã đưa tôi đi xem phim → tôi rất tiếc là tôi đã không đến thăm Tom)	he <u>would have taken</u> me to the movie
If I <u>hadn't been</u> absent yesterday, (Nếu hôm qua tôi không vắng mặt, thì tôi đã gặp mặt cô ấy rồi → tôi tiếc vì mình đã vắng mặt)	I <u>would have met</u> her

II. Các dạng bài tập viết lại câu với If

1/ Cho 2 câu riêng biệt

a. 2 câu riêng biệt thì TL đơn → câu điều kiện loại 1

VD: * I will go there. I will buy you a dog.

→ If I go there, I will buy you a dog.

* Hurry up, or you will be late

→ If you don't hurry, you will be late

* Make me some coffee, and I'll give you some sweets

→ If you make me some coffee, I'll give you some sweets

b. 2 câu riêng biệt thì HT đơn → câu điều kiện loại 2

VD: * I don't study hard. I can't understand the lesson.

→ If I studied hard, I could understand the lesson

* I can't go out because it is raining.

→ If it weren't raining, I could go out.

c. 2 câu riêng biệt thì QK đơn → câu điều kiện loại 3

VD: * I was busy so I didn't go to the concert

→ If I hadn't been busy, I would have gone to the concert.

* I didn't have an umbrella with me so I got wet

→ If I had had an umbrella with me, I wouldn't have got wet

2/ Đảo ngữ với If : dạng đảo ngữ nghĩa là đem Be/trợ động từ lên trước chủ từ. Nghĩa của câu không thay đổi.

a. Câu đk loại 1: mệnh đề if → Should + S + Vinf + O

If he has free time, he'll play tennis.

→ Should he **have** free time, he'll play tennis

b. Câu đk loại 2: mệnh đề if → Were + S + (to Vinf) + O

* If I were a bird, I would fly.

→ Were I a bird, I would fly.

* If I learnt Korean, I would read a Korean book.

→ Were I **to learn** Russian, I would read a Russian book

c. Câu đk loại 3: mệnh đề if → Had + S + (not) + V_{3/ed} + O

* If he had trained hard, he would have won the match.

→ Had he **trained** hard, he would have won the match.

* If I hadn't driven so fast, I couldn't have had an accident

→ Had I **not driven** so fast, I couldn't have had an accident

3/ If not = Unless (trừ phi, nếu ... không):

- Unless we start at once, we will be late. (Chúng ta sẽ trễ trừ phi chúng ta bắt đầu ngay)
→ If we don't start at once, we will be late. (Nếu chúng ta không bắt đầu ngay, chúng ta sẽ trễ)

- Unless you study hard, you won't pass the exams (Bạn sẽ không đậu kỳ thi trừ phi bạn học chăm chỉ)
→ If he doesn't study hard, he won't pass the exams. (Nếu anh ấy không học chăm chỉ, anh ấy sẽ không đậu kỳ thi)

* Không dùng "unless" trong câu hỏi, trong câu diễn tả cảm xúc và trong câu điều kiện loại 2, 3

4/ Cấu trúc “But for / Without + N/Ving”: nếu không có...

a. Câu điều kiện loại 2:

Mệnh đề phụ (If)		mệnh đề chính “would+V”
But for (= Without)	your help,	I wouldn't pass the exam
→ If it weren't for	your help	I wouldn't pass the exam.
= If you didn't help me,		I wouldn't pass the exam.
(Nếu không có sự giúp đỡ của bạn, tôi đã không thi đậu)		

b. Câu điều kiện loại 3:

Mệnh đề phụ (If)		mệnh đề chính “would have +V _{3/ed} ”
But for (= without)	your help,	I wouldn't have passed the exam
→ If it hadn't been for	your help	I wouldn't have passed the exam
= If you hadn't helped me,		I wouldn't have passed the exam

5. If only: ước gì. Cách dùng tương tự If

Đk loại 1	If only he loves me, I will be very happy
Đk loại 2	If only I had one billion, I would go abroad
Đk loại 3	If only he had learned hard, he would have passed the exam

BÀI TẬP

Các em bấm vào hình quyển sách để làm bài tập, ghi điểm vào ô vuông và nhớ bấm Save lưu bài:

CÂU ĐK LOẠI 0:



CÂU ĐK LOẠI 1:

1a/ Câu KD 1



1b/ Câu KD 2



1c/ Câu KD 3



2a/ Câu PD 1



2b/ Câu PD 2



2c/ Câu PD 3



CÂU ĐK LOẠI 2:

1a/ Câu KD 1



1b/ Câu KD 2



1c/ Câu KD 3



2a/ Câu PD 1



2b/ Câu PD 2



2c/ Câu PD 3



CÂU ĐK LOẠI 3:

1a/ Câu KD 1



1b/ Câu KD 2



1c/ Câu KD 3



2a/ Câu PD 1



2b/ Câu PD 2



2c/ Câu PD 3



CÂU ĐK TỔNG HỢP:

1/ Loại 1-2



2a/ Loại 1-3 BT 1



2b/ Loại 1-3 BT 2



2c/ Loại 1-3 BT 3



CÂU ĐK (VNDOC):

1/ BT 1



2/ BT 2

